PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1043/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 1075/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030" (sau đây gọi tắt là Chiến lược CNH) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tầm nhìn, quan điểm và mục tiêu

a) Tầm nhìn:

Phát triển vượt bậc sáu ngành công nghiệp ưu tiên, bao gồm: điện tử; máy nông nghiệp; chế biến nông, thủy sản; đóng tàu; môi trường và tiết kiệm năng lượng; và sản xuất ôtô và phụ tùng ôtô thành những ngành công nghiệp chủ lực của nền kinh tế, có giá trị gia tăng cao và năng lực cạnh tranh quốc tế. Các ngành được ưu tiên phát triển trong Chiến lược CNH giữ vai trò dẫn dắt về thúc đẩy thu hút đầu tư của doanh nghiệp trong và ngoài nước, trước hết là doanh nghiệp Nhật Bản, tạo lan tỏa công nghệ và lan tỏa kỹ năng đối với ngành công nghiệp nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung;

b) Quan điểm:

- Chiến lược CNH đóng góp vào thực hiện chính sách phát triển công nghiệp tổng thể của Việt Nam, tập trung vào phát triển sáu ngành công nghiệp ưu tiên đã chọn trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế so sánh của Việt Nam và sử dụng hiệu quả để tạo ra những ngành công nghiệp có năng lực cạnh tranh quốc tế;

- Chiến lược CNH góp phần đẩy nhanh quá trình CNH đến năm 2020 của Việt Nam. Các ngành được lựa chọn phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp chung của Việt Nam và đóng góp lớn vào tạo cú huých cho phát triển của các ngành công nghiệp khác trong quá trình công nghiệp hóa đến năm 2020. Chiến lược CNH đóng góp trực tiếp vào quá trình tái cơ cấu ngành, phục vụ thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế;

- Chiến lược CNH phải tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư và tăng hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài nói chung và của Nhật Bản nói riêng vào Việt Nam; tạo dựng và củng cố liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp Nhật Bản và doanh nghiệp trong nước; thúc đẩy chuyển giao, đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam.

c) Mục tiêu:

- Mục tiêu chung:

Ưu tiên phát triển sáu ngành công nghiệp được lựa chọn nhằm thúc đẩy đổi mới công nghệ, tăng trưởng năng suất lao động và tạo dựng năng lực cạnh tranh quốc tế; phát triển những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa công nghệ, đạt tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến cho xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

- Các mục tiêu cụ thể:

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 cụ thể và khả thi cho từng ngành trong số sáu ngành đã chọn; tập trung vào một số phân ngành, sản phẩm chiến lược; thực hiện dự án thí điểm trong từng ngành, phân ngành nếu cần thiết.

+ Việt Nam và Nhật Bản hợp tác thu hút dự án đầu tư có chất lượng của Nhật Bản vào các ngành công nghiệp ưu tiên và ngành có liên quan.

+ Huy động tối đa sự tham gia của Chính phủ - doanh nghiệp - nhà khoa học của Việt Nam và Nhật Bản vào toàn bộ quá trình xây dựng, thực hiện và đánh giá hiệu quả phát triển các ngành công nghiệp được lựa chọn.

- Một số chỉ tiêu chủ yếu đối với các ngành ưu tiên phát triển:

Đến năm 2020, các ngành được ưu tiên phát triển:

+ Các ngành được ưu tiên phát triển đi đầu trong áp dụng công nghệ cao, công nghệ sạch gắn với đảm bảo tính hợp lý về điều kiện kinh tế của Việt Nam.

+ Giá trị sản xuất của các ngành ưu tiên tăng tối thiểu 20% hàng năm và đóng góp tối thiểu 35% vào tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp.

+ Đứng trong số mười ngành có tốc độ tăng năng suất lao động cao nhất.

Đến năm 2030, các ngành được ưu tiên phát triển chủ yếu áp dụng công nghệ cao, công nghệ sạch gắn với đảm bảo tính hợp lý về điều kiện kinh tế của Việt Nam.

2. Định hướng và giải pháp

a) Định hướng:

- Định hướng đến năm 2020:

+ Tăng cường năng lực sản xuất của sáu ngành được lựa chọn nhằm thích ứng với quá trình thực thi các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế đến năm 2020. Chuyển đổi các ngành công nghiệp phụ thuộc vào lắp ráp, gia công giản đơn có giá trị gia tăng thấp sang nền công nghiệp sử dụng tối đa đầu vào sản xuất trong nước thuộc thượng nguồn và trung nguồn để tạo ra giá trị gia tăng cao, nâng dần năng lực cạnh tranh quốc tế.

+ Tạo dựng và mở rộng thị trường cho sản phẩm của sáu ngành ưu tiên.

+ Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ cho sáu ngành ưu tiên gắn với chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao làm nền tảng cho các ngành này.

+ Đẩy nhanh việc đưa vào vận hành những dự án lớn đã được phê duyệt trong các lĩnh vực thuộc thượng nguồn (hóa dầu, sản xuất thép, điện lực, gas, năng lượng...) nhằm tăng hiệu quả đầu tư cho sự phát triển lâu dài của các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển.

- Định hướng giai đoạn 2020 - 2030:

Tăng cường mối liên kết ngành sản xuất sản phẩm cuối cùng với ngành sản xuất đầu vào nguyên liệu, ngành sản xuất đầu vào trung gian và ngành dịch vụ, hình thành cơ cấu công nghiệp nhất quán từ thượng nguồn, trung nguồn tới hạ nguồn.

b) Một số giải pháp chủ yếu:

- Nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch hành động phát triển cho từng ngành; tiến hành khảo sát, thu hút sự tham gia hài hòa của doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và Trường đại học trong quá trình xây dựng Kế hoạch hành động.

- Hoàn thiện đồng bộ khuôn khổ pháp lý và chính sách khuyến khích phát triển các ngành đã chọn; công bố kế hoạch triển khai thực hiện các chính sách khuyến khích và ưu đãi đối với từng ngành.

- Đẩy mạnh cải cách đồng bộ thủ tục hành chính và thực hiện nhất quán ở tất cả các cấp hành chính từ Trung ương đến địa phương.

- Phát triển một vài vùng, địa phương thành những vùng động lực của Chiến lược CNH để phát triển các ngành được lựa chọn, trong đó ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng và đào tạo nguồn nhân lực tại các vùng đó.

- Tổ chức thực hiện các Kế hoạch hành động một cách nhất quán, thống nhất và trên nguyên tắc hai bên Việt Nam và Nhật Bản cùng hợp tác trao đổi và Nhật Bản hỗ trợ tích cực trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo nguồn lực được sử dụng hiệu quả.

- Xây dựng hệ thống kiểm tra, giám sát để theo dõi việc thực hiện Kế hoạch hành động và đánh giá kết quả thực hiện.

- Việt Nam và Nhật Bản tập trung hợp tác trong một số lĩnh vực trọng tâm để phục vụ thực hiện Chiến lược CNH một cách nhất quán. Các lĩnh vực hợp tác trọng tâm bao gồm:

+ Rà soát và đánh giá chiến lược, quy hoạch và chính sách hiện hành liên quan đến sáu ngành ưu tiên và đề xuất điều chỉnh nhằm đảm bảo tính đồng bộ về chính sách và tính thực thi của Chiến lược CNH và kế hoạch hành động của từng ngành.

+ Xúc tiến đầu tư vào sáu ngành ưu tiên phát triển.

+ Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo cho sáu ngành đã chọn.

+ Hợp tác trong thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong sáu ngành ưu tiên.

+ Hợp tác trong phát triển hạ tầng phục vụ sáu ngành ưu tiên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ máy chỉ đạo, điều hành thực hiện Chiến lược CNH

Ban Chỉ đạo Chiến lược CNH của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030 được thành lập theo Quyết định số 1075/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ chủ trì việc xây dựng, công bố và tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược này.

2. Phân công thực hiện Chiến lược CNH

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Thông qua Phó trưởng Ban Chỉ đạo và Tổ công tác chủ trì, làm đầu mối điều phối tổ chức, phối hợp và hợp tác với Nhật Bản triển khai thực hiện Chiến lược CNH.

- Phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ chuyên ngành xây dựng các chính sách khuyến khích, ưu đãi phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và lộ trình giảm thuế quan theo các cam kết khu vực và quốc tế nhằm thu hút đầu tư vào phát triển sáu ngành đã chọn; cân đối ngân sách và vốn đầu tư cho phát triển sáu ngành công nghiệp này và đưa vào kế hoạch 5 năm, hàng năm.

- Tham gia xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động phát triển sáu ngành trong Chiến lược CNH thông qua Tổ công tác.

b) Bộ Tài chính:

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi về thuế, thuế quan và thủ tục hành chính liên quan để khuyến khích phát triển sáu ngành công nghiệp ưu tiên phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành xây dựng các chính sách khuyến khích, ưu đãi phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và lộ trình giảm thuế quan theo các cam kết khu vực và quốc tế nhằm thu hút đầu tư vào phát triển sáu ngành đã chọn; cân đối ngân sách và vốn đầu tư cho phát triển sáu ngành công nghiệp này và đưa vào kế hoạch 5 năm, hàng năm;

- Tham gia xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động phát triển sáu ngành trong Chiến lược CNH thông qua Tổ công tác.

c) Bộ Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động ngành máy nông nghiệp, ngành sản xuất ôtô và phụ tùng ôtô, ngành công nghiệp môi trường và tiết kiệm năng lượng;

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện kế hoạch hành động ngành điện tử; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện kế hoạch hành động ngành công nghiệp chế biến nông, thủy sản;

- Phối hợp với các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các Bộ liên quan xây dựng các chính sách khuyến khích, ưu đãi tạo điều kiện thu hút đầu tư vào phát triển năm ngành công nghiệp của Chiến lược CNH nêu trên;

- Tham gia xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động phát triển các ngành trong Chiến lược CNH thông qua Tổ công tác.

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch hành động ngành công nghiệp chế biến nông, thủy sản;

- Phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức thực hiện kế hoạch hành động ngành máy nông nghiệp;

- Phối hợp với các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các Bộ liên quan xây dựng chính sách khuyến khích, ưu đãi tạo điều kiện thu hút đầu tư vào phát triển ngành hai ngành công nghiệp của Chiến lược CNH nêu trên;

- Tham gia xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động phát triển sáu ngành trong Chiến lược CNH thông qua Tổ công tác.

đ) Bộ Giao thông vận tải:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch hành động ngành đóng tàu;

- Phối hợp với các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các bộ liên quan xây dựng các chính sách khuyến khích, ưu đãi tạo điều kiện thu hút đầu tư vào phát triển ngành công nghiệp đóng tàu;

- Tham gia xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động phát triển sáu ngành trong Chiến lược CNH thông qua Tổ công tác.

e) Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch hành động phát triển ngành điện tử;

- Phối hợp với các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các bộ liên quan xây dựng các chính sách khuyến khích, ưu đãi tạo điều kiện thu hút đầu tư vào phát triển công nghiệp điện tử;

- Tham gia xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động phát triển sáu ngành trong Chiến lược CNH thông qua Tổ công tác.

g) Bộ Khoa học và công nghệ:

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng các chính sách khuyến khích, ưu đãi tạo điều kiện thu hút đầu tư vào phát triển các ngành ưu tiên trong Chiến lược CNH; xây dựng chính sách thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đẩy nhanh ứng dụng công nghệ cao trong sáu ngành công nghiệp ưu tiên;

- Tham gia xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động phát triển sáu ngành trong Chiến lược CNH thông qua Tổ công tác.

h) Bộ Ngoại giao:

- Tham gia, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc điều phối hoạt động hợp tác với Nhật Bản;

- Tham gia với các Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các bộ liên quan xây dựng các chính sách khuyến khích, ưu đãi tạo điều kiện thu hút đầu tư vào phát triển sáu ngành công nghiệp của Chiến lược CNH;

- Tham gia xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động phát triển sáu ngành trong Chiến lược CNH thông qua Tổ công tác.

i) Ngân hàng Nhà nước:

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ chuyên ngành xây dựng các chính sách ưu đãi tín dụng cho sáu ngành đã chọn;

k) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch hành động liên quan đến việc đào tạo nguồn nhân lực cho sáu ngành đã chọn;

- Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch hành động phát triển sáu ngành trong Chiến lược CNH thông qua Tổ công tác.

l) Các Bộ, ngành khác và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm xây dựng Kế hoạch hành động và phối hợp xử lý các vấn đề liên quan theo đề xuất của Ban Chỉ đạo và cơ quan chủ trì thực hiện Kế hoạch hành động từng ngành.

3. Trách nhiệm và hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam và Nhật Bản

a) Trách nhiệm và hỗ trợ của Chính phủ Việt Nam:

- Trong quá trình thực hiện các Kế hoạch hành động của các ngành công nghiệp chiến lược, Ban Chỉ đạo sẽ thành lập nhóm chuyên trách trong những Bộ, ngành liên quan và chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động phát triển sáu ngành một cách nhất quán;

- Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm cung cấp và chia sẻ thông tin, tài liệu, số liệu thống kê cần thiết phục vụ cho tổ chức thực hiện Chiến lược CNH.

b) Trách nhiệm và hỗ trợ của Chính phủ Nhật Bản:

- Các cơ quan liên quan của Nhật Bản cam kết tham gia tích cực và hỗ trợ công tác triển khai thực hiện Chiến lược CNH;

- Hỗ trợ kinh phí để thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát và tư vấn cần thiết phục vụ cho công tác triển khai thực hiện Chiến lược CNH;

- Tích cực xúc tiến đầu tư, tìm nhà đầu tư có tiềm năng vào Việt Nam; chọn lọc thông tin và chia sẻ với các Bộ, ngành và các bên liên quan phục vụ triển khai thực hiện Chiến lược CNH.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng